



## CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, Tp. Long Xuyên, An Giang

Tel: (84-76) 931477

Fax: (84-76) 932477

Website: [www.ntaco.com.vn](http://www.ntaco.com.vn)

Email: [ntacoag@hcm.vnn.vn](mailto:ntacoag@hcm.vnn.vn)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010 ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO
- Địa chỉ : 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, An Giang
- Tên viết tắt : NTACO
- Mã chứng khoán : ATA
- Năm báo cáo : 2009

## I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### 1. Lịch sử hình thành

Tiền thân của NTACO là Công ty TNHH Tuấn Anh được thành lập ngày 15/08/2000 với số vốn điều lệ ban đầu là 2.700.000.000 đồng, ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là chăn nuôi cá bè, xây dựng cầu đường, giao thông thủy lợi... trụ sở đặt tại 231/B9 Huỳnh Thúc Kháng, Tp Long Xuyên, An Giang.

Theo xu hướng phát triển chung của ngành nuôi trồng chế biến thủy sản và khả năng nắm bắt cơ hội, năm 2002 Ban lãnh đạo Công ty đã tiến hành cho xây nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh và bắt đầu đi vào hoạt động từ 09/2003 và nâng vốn điều lệ lên 35.112.080.000 đồng, đồng thời tiến hành dời trụ sở về 99 Hùng Vương, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đến ngày 11/04/2007 NTACO chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 5203000066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 11/04/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 19/03/2008

Ngày 08 tháng 09 năm 2009 Công ty chính thức niêm yết 10.000.000 cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là ATA.

Một số sự kiện nổi bật khác:

- Xây dựng nhà máy bao bì carton, thùng PP, PE
- Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thái, vốn đầu tư
- Triển khai vùng nuôi cá tra nguyên liệu, cá tra sinh thái theo tiêu chuẩn GLOBAL G.A.P
- Xây dựng nhà máy chế biến dầu cá – bột cá, vốn đầu tư

## 2. Quá trình phát triển Công ty

### 2.1. Ngành nghề kinh doanh chính

- Chế biến thủy sản
- Sản xuất thức ăn thủy sản
- Sản xuất, mua bán bao bì giấy, bao bì PE, PP
- Chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá
- Nuôi cá, mua bán cá và thủy sản...

### 2.2. Tình hình hoạt động Công ty

Từ khi chuyển đổi và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, NTACO đã đạt được những kết quả rất khả quan, tình hình hoạt động của Công ty trong 03 năm gần nhất như sau:

*Dvt: triệu đồng*

STT	Khoản mục	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1	Tổng tài sản	250.236	363.116	497.459
2	Vốn chủ sở hữu	122.703	108.633	128.219
3	Vốn điều lệ	100.000	100.000	100.000
4	Tổng doanh thu	232.438	387.786	441.520
5	Lợi nhuận sau thuế	23.092	19.601	36.208
6	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cp)	2.309	1.960	3.621

### 3. Định hướng phát triển

- **Mục tiêu chủ yếu của Công ty:** Đẩy mạnh khai thác thế mạnh hiện có: Vùng nuôi cá tra nguyên liệu, nhà máy thức ăn thủy sản, nhà máy bao bì, nhà máy dầu cá-bột cá của công ty nhằm hỗ trợ cho lĩnh vực chính là xuất khẩu cá tra fillet đông lạnh
- **Chiến lược phát triển Công ty trung dài hạn:** Chiến lược phát triển Công ty trong thời gian tới là trở thành Công ty xuất khẩu thủy sản mạnh và nằm trong tốp đầu các Công ty xuất khẩu thủy sản.

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.
- Trong năm 2009, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên 2009, hoàn thành các thủ tục cần thiết đưa cổ phiếu niêm yết và chính thức giao dịch vào ngày 08 tháng 09 năm 2009 với mã chứng khoán giao dịch là ATA.
- Song song đó, trong năm 2009 Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp định kỳ nhằm bám sát Nghị quyết Đại hội đã đề ra và căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty từ đó ra các quyết định phù hợp. Cụ thể, trong năm Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 cuộc họp và ban hành 01 Nghị quyết về thay đổi kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, mức cổ tức trong năm 2009 như sau:

Khoản mục	Kế hoạch 2009	Điều chỉnh kế hoạch 2009	Tăng so với kế hoạch
Doanh thu	450.000	550.000	22%
Lợi nhuận sau thuế	25.000	35.000 - 40.000	40% - 60%
Chia cổ tức	20% - 22 %	32% - 36%	60%-63%

- Các thành viên Hội đồng quản trị luôn đặt lợi ích Công ty lên hàng đầu không vì lợi ích cá nhân làm ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty.
- Ngoài công tác quản trị Công ty, Hội đồng quản trị luôn tập trung làm tốt nhiệm vụ được giao, giám sát, kiểm tra các cấp lãnh đạo, động viên cán bộ - công nhân viên

hoàn thành tốt công việc. Qua đó kịp thời phát hiện, xử lý những sai phạm làm ảnh hưởng đến lợi ích Công ty.

**2. Kết quả hoạt động và những thay đổi trong năm**

**2.1. Kết quả hoạt động trong năm 2009**

Stt	Khoản mục	Kết quả 2009	So với KH 2009	So với 2008	Đánh giá
1	Tổng tài sản	497.459.975.179		37%	Trong năm 2009 Công ty đã đầu tư thêm băng tải, băng chuyền nhà máy đông lạnh, hệ thống xử lý nước thải và một số máy móc cho nhà máy bao bì Vạn Lợi, nhà máy thức ăn thủy sản Việt Thái.
2	Vốn chủ sở hữu	128.219.624.371		18%	Vốn chủ sở hữu tăng là do lợi nhuận giữ lại năm trước chuyển sang và năm nay chưa chia cổ tức hết, đồng thời Công ty hoạt động hiệu quả cao hơn các năm trước.
3	Vốn điều lệ	100.000.000.000	100%	100%	Công ty vẫn chưa có kế hoạch tăng vốn nên vốn điều lệ Công ty không có gì thay đổi.
4	Tổng doanh thu	441.520.069.663	Giảm 20% so với kế hoạch	14%	Doanh thu 2009 có tăng số với 2008 nhưng vẫn không đạt kế hoạch như Nghị quyết Hội đồng quản trị đề ra là do kiểm toán độc lập đã điều chỉnh giảm các khoản doanh thu nội bộ của các nhà máy trực thuộc Công ty.

5	Lợi nhuận sau thuế	36.208.913.675	Đạt kế hoạch	85%	Mặc dù Doanh thu không đạt kế hoạch như Nghị quyết HĐQT nhưng lợi nhuận vẫn đạt chỉ tiêu đề ra, không những vậy mà còn tăng rất cao so với 2008
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.621		85%	Doanh thu và lợi nhuận tăng nên mức cổ tức cũng được điều chỉnh tăng theo.

## 2.2. Những thay đổi trong năm

- Tiếp tục mở rộng đầu tư và khai thác vùng nuôi cá tra sinh thái
- Triển khai quy trình nuôi cá sạch theo tiêu chuẩn GLOBAL G.A.P
- Các nhà máy bao bì, nhà máy thức ăn , góp phần tăng lợi nhuận của Công ty
- Nhà máy chế biến mỡ cá - bột cá đi vào hoạt động
- Mặc dù trong năm qua kinh tế có nhiều biến động nhưng với sự quyết tâm của Hội đồng quản trị, ban Giám đốc, tập thể cán bộ công nhân viên phát huy hết vai trò của mình, không những vượt kế hoạch Đại hội đã đề ra mà còn hoàn thành Nghị quyết ngày 15/10/2009 của Hội đồng quản trị.

## III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Báo cáo tình hình tài chính

- Cơ cấu tài sản, nguồn vốn, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kỳ báo cáo
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	24,56
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		75,44
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	74,23
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		25,77
3	<b>Khả năng thanh toán</b>		
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,58
- Khả năng thanh toán hiện hành	1,06		

4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		7,28
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,30
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		28,24

**Những biến động, những thay đổi trong năm:**

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009 là: 12.800 đồng/cổ phiếu tăng 19% so với giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2008.
- Tổng số cổ phiếu phát hành là 10.000.000 cổ phiếu. Toàn bộ số cổ phiếu này là cổ phiếu phổ thông. Công ty không phát hành cổ phiếu ưu đãi cũng như không có cổ phiếu dự trữ và cổ phiếu quỹ
- Ngày 19/11/2009 Công ty đã tạm ứng chi trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 là 16% tương đương 16.000.000.000 đồng.

**2. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Xây dựng và quảng bá thương hiệu NTACO ra toàn cầu.
- Đầu tư mở rộng thêm 20 ha vùng nuôi cá sạch đạt tiêu chuẩn GLOBAL G.A.P
- Phát huy hiệu quả của các nhà máy sản xuất bột cá , mỡ cá – nhà máy thức ăn – vùng nuôi cá – nhà máy đông lạnh – Nhà máy bao bì theo qui trình khép kín, đồng thời mở rộng kinh doanh theo hướng đa ngành và mặt hàng thủy sản xuất khẩu là mục tiêu mũi nhọn.
- Xây dựng đội ngũ quản lý, cán bộ kế thừa vững mạnh

**IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009**

Đây là nội dung toàn văn báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần NTACO (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch
Bà Võ Thị Hồng Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Sĩ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Ông Phan Ngọc Phước	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Phước	Phó Tổng Giám
Bà Trịnh Thị Thu	Giám đốc Tài chính

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính (ACAGroup) - **Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International.**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

(Đã ký)

Nguyễn Tuấn Anh

**Tổng Giám đốc**

An Giang, ngày 25 tháng 01 năm 2010

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần NTACO**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần NTACO (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Như đã được trình bày ở Thuyết minh số 2, các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

(Đã ký)

\_\_\_\_\_  
**Chu Quang Tùng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH (ACAGroup)**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International**  
Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2010

(Đã ký)

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Hoàng Dũng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1106/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU B 01-DN**

**Đơn vị: VND**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
<b>A – TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>375.300.303.658</b>	<b>260.428.005.376</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8.386.688.309</b>	<b>3.512.810.872</b>
1. Tiền	111	5	8.386.688.309	3.512.810.872
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>22.530.000.000</b>	<b>15.060.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	22.530.000.000	15.060.000.000
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	7	<b>173.469.792.579</b>	<b>99.015.831.790</b>
1. Phải thu khách hàng	131		109.749.442.481	64.979.133.528
2. Trả trước cho người bán	132		63.019.231.415	29.223.245.090
5. Các khoản phải thu khác	135		857.714.953	5.440.063.029
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(156.596.270)	(626.609.857)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>168.843.535.091</b>	<b>139.144.989.965</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	168.843.535.091	139.144.989.965
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.070.287.679</b>	<b>3.694.372.749</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		172.143.010	10.754.768
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		477.181.973	2.437.835.059
3. Các khoản khác phải thu của Nhà Nước	154		133.692.577	206.369.947
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	1.287.270.119	1.039.412.975
<b>B – TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>122.159.671.521</b>	<b>102.688.048.877</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>4.720.000.000</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	4.720.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>120.666.415.228</b>	<b>96.707.325.612</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	64.108.275.581	47.376.204.206
- Nguyên giá	222		86.183.110.947	63.863.285.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.074.835.366)	(16.487.081.264)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	9.237.475.186	2.824.825.341
- Nguyên giá	225		11.505.002.326	4.451.287.228
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.267.527.140)	(1.626.461.887)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	24.552.424.821	24.819.424.821
- Nguyên giá	228		24.552.424.821	24.819.424.821
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	22.768.239.640	21.686.871.244
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.493.256.293</b>	<b>1.260.723.265</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		980.834.767	873.301.739
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		512.421.526	387.421.526
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>497.459.975.179</b>	<b>363.116.054.253</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU B 01-DN**  
**Đơn vị: VND**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>369.240.350.808</b>	<b>254.482.385.738</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>355.414.528.839</b>	<b>239.351.416.528</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	314.833.384.363	202.010.381.789
2. Phải trả người bán	312		24.180.378.138	32.111.548.971
3. Người mua trả tiền trước	313		7.714.973.979	583.640.875
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	3.431.056.581	1.452.078.728
5. Phải trả người lao động	315		1.864.724.562	-
6. Chi phí phải trả	316		208.324.312	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	8.985.600
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3.181.686.904	3.184.780.565
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.825.821.969</b>	<b>15.130.969.210</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	13.725.059.499	15.029.245.540
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		100.762.470	101.723.670
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>128.219.624.371</b>	<b>108.633.668.515</b>
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>127.977.769.680</b>	<b>108.491.272.530</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	100.000.000.000	100.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(212.251.451)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	28.190.021.131	8.491.272.530
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>241.854.691</b>	<b>142.395.985</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		241.854.691	142.395.985
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>497.459.975.179</b>	<b>363.116.054.253</b>

(Đã ký)

**Nguyễn Tuấn Anh**  
**Tổng Giám đốc**

An Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2009

(Đã ký)

**Lê Thị Bích Thủy**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU B 02-DN**

**Đơn vị: VND**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	441.520.069.663	387.786.799.256
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	5.302.651.941	2.120.311.010
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		436.217.417.722	385.666.488.246
4. Giá vốn hàng bán	11	20	358.428.757.973	313.278.317.729
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.788.659.749	72.388.170.517
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	18.014.751.307	6.109.209.683
7. Chi phí tài chính	22	22	24.423.071.159	18.743.342.280
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		24.345.629.087	18.612.094.609
8. Chi phí bán hàng	24		22.783.758.899	29.495.756.881
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.213.599.965	10.563.998.793
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		36.382.981.033	19.694.282.246
11. Thu nhập khác	31		2.354.023.695	1.906.736.213
12. Chi phí khác	32		182.656.305	527.855.504
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	2.171.367.390	1.378.880.709
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		38.554.348.423	21.073.162.955
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	2.345.434.748	1.471.324.001
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		36.208.913.675	19.601.838.954
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	3.621	1.960

(Đã ký)

Nguyễn Tuấn Anh  
**Tổng Giám đốc**

An Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2009

(Đã ký)

Lê Thị Bích Thủy  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU B 03-DN**  
**Đơn vị: VND**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	<b>38.554.348.423</b>	<b>21.073.162.955</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản :</i>			
- Khấu hao TSCĐ	02	6.228.819.355	4.652.076.625
- Các khoản dự phòng	03	(470.013.587)	(626.609.857)
- Chênh lệch tỷ giá	04	77.442.072	(933.597.627)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(6.951.100.598)
- Chi phí lãi vay	06	24.345.629.087	18.612.094.609
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>68.736.225.350</b>	<b>35.826.026.107</b>
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(68.033.366.719)	(39.615.838.000)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(29.698.545.126)	(75.195.796.032)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	3.030.899.779	81.106.179.409
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(268.921.270)	4.762.803.430
- Tiền lãi vay đã trả	13	(24.137.304.775)	(18.612.094.609)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(521.310.623)	(1.380.013.378)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(31.075.892.373)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>(50.892.323.384)</b>	<b>(44.184.625.446)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(32.340.875.631)	(21.162.685.540)
2. Tiền thu do thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	85.493.493	1.906.736.213
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(21.050.000.000)	(17.150.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	13.654.663.889	11.860.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>(39.650.718.249)</b>	<b>(24.545.949.327)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.021.102.965.498	724.592.268.680
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(907.674.898.365)	(622.083.884.543)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(2.011.148.063)	(634.975.788)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.000.000.000)	(33.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>95.416.919.070</b>	<b>68.873.408.349</b>
<b>Tăng/giảm lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>4.873.877.437</b>	<b>142.833.576</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3.512.810.872</b>	<b>3.369.977.296</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>8.386.688.309</b>	<b>3.512.810.872</b>

(Đã ký)

**Nguyễn Tuấn Anh**  
**Tổng Giám đốc**

An Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2009

(Đã ký)

**Lê Thị Bích Thủy**  
**Kế toán trưởng**

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần NTACO (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh - Thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 08 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2004.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5203000066 ngày 11 tháng 04 năm 2007, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 4 ngày 19 tháng 03 năm 2008.

Tổng vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.465 người.

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Chế biến thủy sản; Nuôi cá; Mua bán cá và thủy sản; Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Chế biến mua bán nông sản; Xây xát thóc lúa, đánh bóng gạo; Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Mua bán phân bón; Gia công hàn tiện, lắp ráp các sản phẩm cơ khí cháy nổ; Sản xuất thức ăn thủy sản; Mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN MỚI

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	18 – 50
Máy móc và thiết bị	8 – 12
Thiết bị văn phòng	3 – 5
Phương tiện vận tải	8 – 15

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Công ty không trích khấu hao quyền sử dụng đất vì đây là quyền sử dụng lâu dài.

##### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	10

##### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

##### **Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

##### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá liên ngân hàng cùng ngày. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch đánh giá lại các khoản mục tiền tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối Kế toán.

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/CN.UB ngày 15 tháng 01 năm 2003, giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 72/CN.UB ngày 16 tháng 8 năm 2004 của UBND Tỉnh An Giang thì Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 25%, được miễn thuế TNDN 01 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN cho 04 năm tiếp theo đối với dự án Nhà máy thủy sản đông lạnh xuất khẩu Tuấn Anh và dự án Mở rộng phân xưởng 2. Ngoài ra Công ty còn được giảm 20% số thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập có được do xuất khẩu trong trường hợp doanh thu xuất khẩu chiếm trên 50% tổng doanh thu. Công ty cũng được miễn các thuế nhập khẩu cho máy móc thiết bị nhập khẩu hình thành tài sản cố định thuộc dự án đã nêu ở trên. Trong năm 2009, thuế suất thuế TNDN áp dụng với công ty là 20%, Công ty được miễn 50% tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp



phải nộp và miễn 20% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ xuất khẩu do tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm trên 50% tổng doanh thu trong năm tài chính.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### Thuế

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 52121000073 của UBND Tỉnh An Giang ký ngày 11 tháng 10 năm 2007, đối với dự án Xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản 1 thì Công ty được miễn thuế TNDN 02 năm đầu, và giảm 50% cho 02 năm tiếp theo. Trong năm 2009, Công ty được miễn toàn bộ Thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập của Vùng nuôi trồng Thủy sản.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 52121000085 của UBND Tỉnh An Giang ký ngày 10 tháng 10 năm 2007, đối với dự án Chế biến thức ăn thủy sản Việt Thái thì Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% cho 12 năm và, miễn thuế TNDN 03 năm đầu, và giảm 50% cho 07 năm tiếp theo. Năm 2009 Công ty được miễn toàn bộ thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập có được từ Nhà máy chế biến Thức ăn Chăn nuôi Việt Thái.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền mặt	143.593.866	369.562.722
Tiền gửi ngân hàng	8.243.094.443	3.143.248.150
<b>Tổng</b>	<b>8.386.688.309</b>	<b>3.512.810.872</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang</b>		
Hợp đồng tiền gửi số 805C000358 ngày 14 tháng 04 năm 2009 thời hạn 12 tháng, lãi suất 7.20%/năm. Lãi trả một lần cùng tiền gốc khi đến hạn.	6.750.000.000	-
Hợp đồng tiền gửi số 805C000357 ngày 14 tháng 04 năm 2009 thời hạn 12 tháng, lãi suất 7.20%/năm. Lãi trả một lần cùng tiền gốc khi đến hạn.	3.000.000.000	-
Hợp đồng tiền gửi số 805C000211, thời hạn 12 tháng. Lãi trả một lần cùng tiền gốc khi đến hạn.	-	1.550.000.000
Tiền gửi tiết kiệm tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang.	360.000.000	360.000.000
Ký quỹ cho Hợp đồng số 06/2008/HĐTĐ.	1.650.000.000	1.650.000.000
Tiền gửi tiết kiệm.	-	11.500.000.000
<b>Cho vay các đối tượng khác</b>		
Hợp đồng cho vay tiền số 09 ngày 22 tháng 08 năm 2009, thời hạn 01 năm, lãi suất 2%/tháng. Lãi trả một lần sau khi hoàn vốn.	70.000.000	-
Hợp đồng cho vay tiền số 13 ngày 11 tháng 08 năm 2009, thời hạn 01 năm, lãi suất 1%/tháng. Lãi trả một lần sau khi hoàn vốn.	100.000.000	-
Hợp đồng cho vay tiền số 18 ngày 16 tháng 12 năm 2009, thời hạn 01, lãi suất 2%/tháng. Lãi trả một lần sau khi hoàn vốn.	1.500.000.000	-
Hợp đồng cho vay tiền số 19 ngày 16 tháng 12 năm 2009, thời hạn 01 năm, lãi suất 2%/tháng. Lãi trả một lần sau khi hoàn vốn.	800.000.000	-
Hợp đồng cho vay tiền số 20 ngày 16 tháng 12 năm 2009, thời hạn 01 năm, lãi suất 2%/tháng. Lãi trả một lần sau khi hoàn vốn.	1.200.000.000	-
Hợp đồng cho vay tiền số 36 ngày 25 tháng 12 năm 2009, thời hạn 01 năm lãi suất 2%/tháng. Lãi trả một lần sau khi hoàn vốn.	2.000.000.000	-
Hợp đồng cho vay tiền số 37 ngày 25 tháng 12 năm 2009, thời hạn 01 năm, lãi suất 2%/tháng. Lãi trả một lần sau khi hoàn vốn.	1.500.000.000	-
Hợp đồng cho vay tiền số 40 ngày 30 tháng 12 năm 2009, thời hạn 01 năm, lãi suất 2%/tháng. Lãi trả một lần sau khi hoàn vốn.	1.600.000.000	-
Hợp đồng cho vay tiền số 41 ngày 30 tháng 12 năm 2009, thời hạn 01 năm, lãi suất 2%/tháng. Lãi trả một lần sau khi hoàn vốn.	1.000.000.000	-
Hợp đồng cho vay tiền số 42 ngày 30 tháng 12 năm 2009, thời hạn 01 năm, lãi suất 2%/tháng. Lãi trả một lần sau khi hoàn vốn.	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>22.530.000.000</b>	<b>15.060.000.000</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	<b>31/12/2009</b>		<b>31/12/2008</b>	
	Tổng số VND	Số nợ quá hạn VND	Tổng số VND	Số nợ quá hạn VND
Phải thu của khách hàng	109.749.442.481	223.708.956	64.979.133.528	1.253.219.713
Trả trước cho người bán	62.980.187.795	-	29.223.245.090	-
Các khoản phải thu khác	857.714.953	-	5.440.063.029	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(156.596.270)	(156.596.270)	(626.609.857)	(626.609.857)
<b>Cộng</b>	<b>173.430.748.959</b>	<b>67.112.686</b>	<b>99.015.831.790</b>	<b>626.609.856</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2009</b> VND	<b>31/12/2008</b> VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.783.322.066	16.587.101.190
Công cụ, dụng cụ	2.500.575.717	1.568.004.694
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	115.662.350.115	46.368.926.094
Thành phẩm	35.392.161.130	74.014.730.853
Hàng hóa	2.505.126.063	606.227.134
<b>Tổng</b>	<b>168.843.535.091</b>	<b>139.144.989.965</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2009</b> VND	<b>31/12/2008</b> VND
Tạm ứng	1.287.270.119	1.039.412.975
<b>Cộng</b>	<b>1.287.270.119</b>	<b>1.039.412.975</b>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà xưởng, Vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc, thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 31/12/2008	20.916.578.447	38.567.637.384	3.418.151.662	960.917.977	63.863.285.470
Tăng trong kỳ	14.736.229.636	6.052.805.514	1.388.366.837	142.423.490	22.319.825.477
Mua sắm, XD/CB	14.736.229.636	6.052.805.514	1.388.366.837	142.423.490	22.319.825.477
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	<b>35.652.808.083</b>	<b>44.620.442.898</b>	<b>4.806.518.499</b>	<b>1.103.341.467</b>	<b>86.183.110.947</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>					
Tại ngày 31/12/2008	2.529.324.409	11.063.916.533	2.638.739.335	255.100.987	16.487.081.264
Tăng trong kỳ	2.501.494.527	2.893.210.921	90.120.848	102.927.806	5.587.754.102
Khấu hao trong năm	2.501.494.527	2.893.210.921	90.120.848	102.927.806	5.587.754.102
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	<b>5.030.818.936</b>	<b>13.957.127.454</b>	<b>2.728.860.183</b>	<b>358.028.793</b>	<b>22.074.835.366</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2008	<b>18.387.254.038</b>	<b>27.503.720.851</b>	<b>779.412.327</b>	<b>705.816.990</b>	<b>47.376.204.206</b>
Tại ngày 31/12/2009	<b>30.621.989.147</b>	<b>30.663.315.444</b>	<b>2.077.658.316</b>	<b>745.312.674</b>	<b>64.108.275.581</b>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 31/12/2008	3.925.188.440	526.098.788	4.451.287.228
Tăng trong kỳ	7.053.715.098	-	7.053.715.098
Mua trong kỳ	7.053.715.098	-	7.053.715.098
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	<u>10.978.903.538</u>	<u>526.098.788</u>	<u>11.505.002.326</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 31/12/2008	1.570.075.373	56.386.514	1.626.461.887
Tăng trong kỳ	588.455.375	52.609.878	641.065.253
Trích khấu hao trong năm	588.455.375	52.609.878	641.065.253
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	<u>2.158.530.748</u>	<u>108.996.392</u>	<u>2.267.527.140</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2008	<u>2.355.113.067</u>	<u>469.712.274</u>	<u>2.824.825.341</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>8.820.372.790</u>	<u>417.102.396</u>	<u>9.237.475.186</u>

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 31/12/2008	24.819.424.821
Giảm trong năm	267.000.000
Tại ngày 31/12/2009	<u>24.552.424.821</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 31/12/2008	-
Tại ngày 31/12/2009	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2008	<u>24.819.424.821</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>24.552.424.821</u>

**13. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công trình nhà nghỉ công nhân	-	2.196.698.891
Công trình khu nuôi cá	8.046.133.390	5.637.448.690
Công trình nhà nghỉ chuyên gia	-	838.810.553
Công trình nhà máy Bao bì	52.871.759	3.693.903.750
Sửa chữa lớn Tài sản cố định	1.844.148.310	759.534.352
Công trình cầu Cảng cá	-	384.547.774
Công trình Nhà trấu	41.677.288	2.818.182
Công trình Nhà chế biến phụ phẩm	1.359.668.503	208.388.075
Mua sắm tài sản cố định	9.379.919.164	2.164.830.700
Công trình nhà máy thức ăn Việt Thái	9.090.909	5.799.890.277
Mở rộng nhà máy Đông Lạnh	2.034.730.317	-
<b>Cộng</b>	<b>22.768.239.640</b>	<b>21.686.871.244</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Thuế giá trị gia tăng	1.028.686.571	993.407.626
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.282.795.227	458.671.102
- Thuế thu nhập cá nhân	119.574.783	-
<b>Tổng</b>	<b>3.431.056.581</b>	<b>1.452.078.728</b>

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngân hàng ngoại thương An Giang:</b>	<b>128.888.921.000</b>	<b>89.975.406.000</b>
Số dư của khoản vay từ Ngân hàng ngoại thương An Giang là số dư nợ gốc của Phụ lục Hợp đồng vay số 488/2008/NHNT.AG ngày 11 tháng 2 năm 2009 hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	70.030.000.000	89.975.406.000
Số dư của khoản vay từ Ngân hàng ngoại thương An Giang là số dư nợ gốc của Hợp đồng vay số 356/2009/NHNT.AG ngày 11 tháng 12 năm 2009 hạn mức tín dụng là 110.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	20.800.000.000	-
Số dư của khoản vay từ Ngân hàng ngoại thương An Giang là số dư nợ gốc của Hợp đồng vay số 58/2009/NHNT.AG ngày 24 tháng 04 năm 2009 hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	9.068.921.000	-

<b>15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)</b>	<b>31/12/2009 VND</b>	<b>31/12/2008 VND</b>
Số dư của khoản vay từ Ngân hàng ngoại thương An Giang là số dư nợ gốc của Hợp đồng vay số 249/2009/NHNT.AG ngày 18 tháng 8 năm 2009 hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	28.990.000.000	-
<b><i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn An Giang:</i></b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
Số dư của khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn An Giang là số dư nợ gốc của Hợp đồng vay số 22A-BS/HDTD ngày 04 tháng 03 năm 2008 với tổng số tiền vay là 15.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	15.000.000.000	15.000.000.000
<b><i>Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh An Giang</i></b>	<b>10.000.000.000</b>	-
Số dư khoản vay từ Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh An Giang là số dư nợ gốc của Hợp đồng số 1502 - LAV - 200900169 ngày 08/04/2009 với hạn mức tín dụng 10.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay do Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân.	10.000.000.000	-
<b><i>Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT An Giang</i></b>	<b>157.070.000.000</b>	<b>95.400.000.000</b>
Đây là số dư đầu kỳ khoản vay ngắn hạn Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển An Giang theo hợp đồng số 03/2008/HĐHM-XK ngày 11/04/2008 hạn mức cho vay 120.000.000.000đồng; lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	-	95.400.000.000
Số dư nợ gốc khoản vay ngắn hạn Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển An Giang theo hợp đồng số 08/2009/TDXKHM-NHPT PC ngày 12/05/2009 hạn mức cho vay 150.000.000.000đồng, lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	100.070.000.000	-
Số dư nợ gốc khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT An Giang là số dư nợ gốc của Hợp đồng vay số 04/2009/HĐTĐĐ - NHPT PC ngày 27 tháng 03 năm 2009 hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay do Ngân hàng Phát triển Việt Nam công bố tại từng thời điểm giải ngân.	20.000.000.000	-
Số dư nợ gốc khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT An Giang là số dư nợ gốc của Hợp đồng vay số 05/2009/HĐTĐĐ - NHPT VN PC ngày 27 tháng 03 năm 2009 hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay do Ngân hàng Phát triển Việt Nam công bố tại từng thời điểm giải ngân.	37.000.000.000	-
<b><i>Vay ngắn hạn các đối tượng khác</i></b>	<b>2.450.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
Thái Văn Sa Hợp đồng số 39/HĐKT.TA ngày 04/10/2008 số tiền vay 1.000.000.000 đồng. Lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 01/04/2008 đến 03/01/2009.	-	1.000.000.000
Dương Thái Nguyên hợp đồng số 04/HĐ - NTACO ngày 03/08/2009 số tiền vay 1.800.000.000 đồng. Lãi suất 1,3%/tháng, thời hạn vay 04/8/2009 đến 03/8/2010.	1.800.000.000	-

<b>15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phạm Thị Hồng Thúy hợp đồng số 02/HĐ - NTACO ngày 13/01/2009 số tiền vay 150.000.000 đồng. Lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 13/01/2009 đến 12/01/2010.	150.000.000	-
Nguyễn Thị Huỳnh Hoa hợp đồng số 03/HĐ - NTACO ngày 01/08/2009 số tiền vay 500.000.000 đồng. Lãi suất 1,2%/tháng, thời hạn vay 01/08/2009 đến 01/08/2010.	500.000.000	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
Số dư khoản nợ dài hạn đến hạn trả của khoản thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 01.04.05/CTTC-CNHCM ngày 24/08/2004.	-	634.975.789
Số dư khoản nợ dài hạn đến hạn trả của khoản thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn thương tín theo Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010200810005 ngày 20 tháng 10 năm 2008.	351.053.355	-
Số dư khoản nợ dài hạn đến hạn trả của khoản thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Hợp đồng số 032/08/ALCII-HĐ - CT ngày 05 tháng 05 năm 2008.	63.480.000	-
Số dư khoản nợ dài hạn đến hạn trả của khoản thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 55.09.04/CTTC-CNHCM ngày 10 tháng 3 năm 2009.	1.009.930.008	-
<b>Cộng</b>	<b>314.833.384.363</b>	<b>202.010.381.789</b>
<b>16. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN</b>		
	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT An Giang</b>		
Số dư nợ gốc khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển An Giang (trước đây là quỹ hỗ trợ phát triển An Giang) theo Hợp đồng vay vốn số 09/2007/HĐTD ngày 09/11/2007. Hạn mức cho vay 3.500.000.000 đồng; lãi vay 9%/năm; thời hạn cho vay 72 tháng kể từ ngày nhận.	2.391.350.000	3.091.550.000
Đây là số dư nợ gốc khoản vay dài hạn thực hiện dự án Nhà Máy Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản theo hợp đồng số 06/2008/HĐTD ngày 24/03/2008. Hạn mức vay 10.179.000.000 đồng; lãi suất 11.4% năm; thời hạn cho vay 05 năm	8.349.000.000	10.179.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>		
Số dư khoản thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính II - Chi nhánh Cần Thơ	123.399.680	228.970.000
Số dư khoản thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng ngoại thương Việt Nam.	1.851.538.348	-
Công ty Cho thuê tài chính SACOMBANK - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.	1.009.771.471	1.529.725.540
<b>Cộng</b>	<b>13.725.059.499</b>	<b>15.029.245.540</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2009**

Cổ đông	Cơ cấu sở hữu			Trong đó		Giá trị vốn thực góp tại 31/12/2009 (VND)
	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	CP phổ thông	CP ưu đãi	
Nguyễn Tuấn Anh	5.689.000	56,89%	56.890.000.000	5.689.000	-	56.890.000.000
Nguyễn Tuấn Sĩ	500.000	5,00%	5.000.000.000	500.000	-	5.000.000.000
Võ Thị Hồng Hạnh	500.000	5,00%	5.000.000.000	500.000	-	5.000.000.000
Võ Thị Thủy Tiên	768.859	7,69%	7.688.590.000	768.859	-	7.688.590.000
Những cổ đông khác	2.542.141	25,42%	25.421.410.000	2.542.141	-	25.421.410.000
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu thường	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu thường	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000đ/Cổ phiếu

**18. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang</b>	<b>8.491.272.530</b>	<b>22.527.909.210</b>
Tổng lợi nhuận trước thuế phát sinh trong kỳ	38.554.348.423	21.073.162.955
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích	2.345.434.748	1.471.324.001
Lợi nhuận sau thuế năm nay	36.208.913.675	19.601.838.954
Phân phối thu nhập	16.510.165.074	33.638.475.634
- Điều chỉnh lợi nhuận năm trước	1.536.420	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	460.628.654	461.844.181
- Trả cổ tức lần 1 năm 2009 cho các cổ đông	16.000.000.000	33.000.000.000
- Thù lao hội đồng quản trị ban kiểm soát	48.000.000	176.631.453
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>28.190.021.131</b>	<b>8.491.272.530</b>



19. DOANH THU	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>441.520.069.663</b>	<b>387.786.799.256</b>
Trong đó: + Doanh thu bán hàng	439.764.950.019	353.897.891.286
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.755.119.644	7.780.318.303
+ Doanh thu khác	-	26.108.589.667
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>5.302.651.941</b>	<b>2.120.311.010</b>
+ Hàng bán bị trả lại	2.333.176.539	2.120.311.010
+ Hàng bán giảm giá	2.969.475.402	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>436.217.417.722</b>	<b>385.666.488.246</b>
Trong đó: + Doanh thu thuần bán hàng	434.462.298.078	351.777.580.276
+ Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.755.119.644	7.780.318.303
+ Doanh thu thuần khác	-	26.108.589.667
20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	357.926.895.533	300.806.967.379
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	501.862.440	12.471.350.350
- Giá vốn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>358.428.757.973</b>	<b>313.278.317.729</b>
21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	1.717.132.379	5.044.364.385
Doanh thu tài chính khác	16.297.618.928	1.064.845.298
<b>Cộng</b>	<b>18.014.751.307</b>	<b>6.109.209.683</b>
22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí lãi vay	24.345.629.087	18.612.094.609
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	77.442.072	131.247.671
<b>Tổng</b>	<b>24.423.071.159</b>	<b>18.743.342.280</b>
23. HOẠT ĐỘNG KHÁC	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	130.000.000	1.906.736.213
Thu nhập khác	2.224.023.695	-
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.354.023.695</b>	<b>1.906.736.213</b>
Thanh lý nhượng bán tài sản	182.656.305	527.855.504
<b>Chi phí khác</b>	<b>182.656.305</b>	<b>527.855.504</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác</b>	<b>2.171.367.390</b>	<b>1.378.880.709</b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>
- <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	38.554.348.423
- <b>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN</b>	<b>(7.085.519.634)</b>
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập Việt Thái	(2.501.017.030)
+ Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập Vùng nuôi	(4.584.502.604)
- <b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>31.468.828.789</b>
- Thuế suất	10%
- <b>Thuế TNDN phải nộp</b>	3.146.882.879
<i>Giảm do doanh thu xuất khẩu vượt 50% tổng doanh thu (*)</i>	801.448.131
- <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.345.434.748</b>
- <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>36.208.913.675</b>

(\*) Trong năm 2009 doanh thu xuất khẩu cá đông lạnh của Công ty chiếm 63,67% tổng doanh thu. Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn tương ứng là (Lợi nhuận trước thuế x 63,67% x 20% x 20%) 801.448.131 đồng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.208.913.675	19.601.838.954
+ Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.208.913.675	19.601.838.954
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.621	1.960

**26. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không phát sinh khoản công nợ tiềm tàng nào đến thời điểm 31/12/2009.

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng</b>		
Mua từ Bà Võ Thị Thủy Tiên	3.445.747.000	1.822.921.800
<b>Số dư với các bên liên quan:</b>		
	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Võ Thị Thủy Tiên	-	4.477.078.200

**Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương	510.000.000	264.000.000
Tiền thưởng	42.500.000	17.000.000
	<b>552.500.000</b>	<b>281.000.000</b>

**28. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Công ty không có khoản cam kết nào tính đến ngày 31/12/2009.

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 31/12/2009.

**30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 là số liệu đã được kiểm toán bởi công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính (ACAGroup) - **Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International.**

\*

\*   \*

## V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### 1. Kiểm toán độc lập

- Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính (ACA Group) thành viên hãng kiểm toán quốc tế Kreston International
- Ý kiến của kiểm toán độc lập: *“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.”*
- Kiểm toán độc lập không có ý kiến và nhận xét đặc biệt về báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### 2. Kiểm toán nội bộ

- Trên cơ sở báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm tra và kết quả kiểm toán. Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến của các kiểm toán viên độc.
- Các chứng từ, sổ sách kế toán được lưu trữ đầy đủ và hợp pháp.
- Hội đồng quản trị, ban Giám đốc, ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội cổ đông và thực hiện tốt công tác điều hành hoạt động của Công ty.

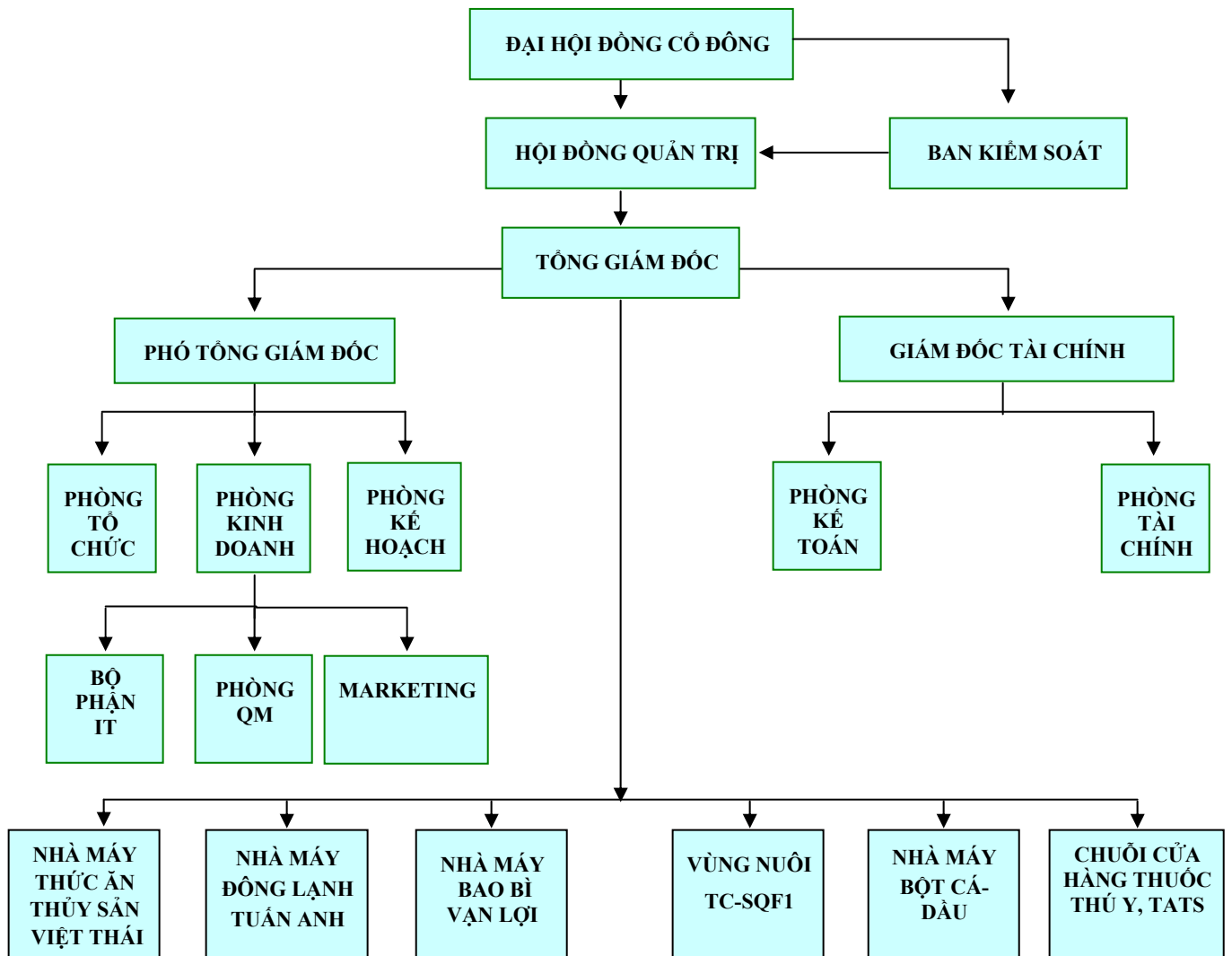
## VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Tại thời điểm báo cáo Công ty không nắm giữ cổ phần tại các Công ty khác cũng như chưa đầu tư vào các tổ chức liên quan.

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Cơ cấu tổ chức trong Công ty

- Trong năm 2009 bộ máy Công ty có thay đổi, cơ cấu như sau:



## 2. Danh sách các thành viên chủ chốt trong Công ty

### 2.1. Thành viên hội đồng quản trị

#### a. Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Ông Nguyễn Tuấn Anh:** Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần NTACO.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/08/1960
- Nơi sinh : Châu Đốc, An Giang
- Số chứng minh nhân dân : 351 220 913
- Ngày cấp : 28/08/2007
- Nơi cấp : An giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 99 – Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang
- Điện thoại liên lạc : 076.931 579
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học tài chính
- Quá trình công tác :
  - × Từ 1987 đến 2000: Phó giám đốc Công ty TNHH Nam Việt
  - × Từ 2000 đến 2006: Giám đốc Công ty TNHH Tuấn Anh
  - × Từ 2006 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần NTACO
- Số cổ phần nắm giữ : 5.689.000 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần :
  - Em Nguyễn Tuấn Sĩ: 500.000 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

#### b. Thành viên Hội đồng quản trị

**Ông Nguyễn Tuấn Sĩ:** Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần NTACO.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/09/1964
- Nơi sinh : Châu Đốc, An Giang
- Số chứng minh nhân dân : 350 503 893
- Ngày cấp : 03/09/2003
- Nơi cấp : An giang

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 180B8 – Huỳnh Thúc Kháng, Bình Khánh Long Xuyên, An Giang
- Điện thoại liên lạc : 0913 877 544
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn :
- Quá trình công tác :
- × Từ 1994 đến 2000: Tổ kỹ thuật đội thi công Công ty TNHH Nam Việt
- × Từ 2000 đến 2007: Nhà cung cấp cá nguyên liệu cho Công ty Cp NTACO
- × Từ 2007 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cp NTACO
- Số cổ phần nắm giữ : 500.000 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần :
  - Anh Nguyễn Tuấn Anh: 5.689.000 cổ phần
  - Vợ Lâm Thị Phượng : 33.000 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

c. Thành viên Hội đồng quản trị

Bà **Võ Thị Hồng Hạnh**: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần NTACO.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 05/08/1970
- Nơi sinh : An Hòa, Châu Thành, An Giang
- Số chứng minh nhân dân : 351 001 966
- Ngày cấp : 11/10/1999
- Nơi cấp : An giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 139B9 – Huỳnh Thúc Kháng, Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang
- Điện thoại liên lạc : 0909.336 339
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn :
- Quá trình công tác :
- × Từ 2000 đến nay: Thủ quỹ Công ty Cổ phần NTACO
- Số cổ phần nắm giữ : 500.000 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần :

- Em Võ Thị Hồng Đào : 13.400 cổ phần
- Em Võ Thị Thủy Tiên : 768.859 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

d. Thành viên Hội đồng quản trị

**Ông Phan Ngọc Phước:** Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần NTACO.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/11/1960
- Nơi sinh : Đà Lạt
- Số chứng minh nhân dân : 352 053 060
- Ngày cấp : 15/03/2007
- Nơi cấp : An giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 04 – Phan Thành Long, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang
- Điện thoại liên lạc : 0918.658 889
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ khoa học kinh tế
- Quá trình công tác :
- × Từ 2000 đến nay: Trưởng phòng quản lý công sản, trưởng phòng đầu tư Sở tài chính An Giang
- × Từ 2000 đến nay: Phụ trách phía Nam TTTVDV về TS – BĐS cục quản lý công sản
- × Từ 2000 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cp NTACO, Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần NTACO
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần :
  - Vợ Tổng Thị Hương: 23.334 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

e. Thành viên Hội đồng quản trị

**Bà Nguyễn Thị Dung:** Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần NTACO.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 01/12/1960
- Nơi sinh : An Giang



- Số chứng minh nhân dân : 350 058 770
- Ngày cấp : 11/04/2005
- Nơi cấp : An giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 52/2A – Lý Thái Tổ, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang
- Điện thoại liên lạc : 076.931 931
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy sản
- Quá trình công tác :
- × Từ 2000 đến 2005: Công tác tại Trung tâm giống Thủy sản – Sở Nông nghiệp tỉnh An Giang
- × Từ 2000 đến 2007: Công tác tại Hiệp hội nghề cá tỉnh An Giang (AFA)
- × Từ 2007 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cp NTACO, Giám đốc nhà máy thức ăn thủy sản Việt Thái
- Số cổ phần nắm giữ : 16.600 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

## 2.2. Ban kiểm soát

### a. Trưởng Ban kiểm soát

**Ông Lê Thanh Hồng:** Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần NTACO.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 26/12/1983
- Nơi sinh : Cao Lãnh, Đồng Tháp
- Số chứng minh nhân dân : 341 208 928
- Ngày cấp : 18/08/2000
- Nơi cấp : Đồng Tháp
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 463 – An Phú, Mỹ An Hưng B, Lấp Vò Đồng Tháp
- Điện thoại liên lạc : 076.931 477
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

- × Từ 2007 đến nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần NTACO
- Số cổ phần nắm giữ : 1.000 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

b. Thành viên Ban kiểm soát

**Ông Nguyễn Xuân Huy:** Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần NTACO.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 09/04/1984
- Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh
- Số chứng minh nhân dân : 351 575 861
- Ngày cấp : 26/10/1999
- Nơi cấp : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 99 – Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang
- Điện thoại liên lạc : 076.931 919
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy sản
- Quá trình công tác :
- × Từ 2007 đến nay: Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần NTACO
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần :
  - Chị Nguyễn Thị Thu Trang: 4.000 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

c. Thành viên Ban kiểm soát

**Bà Trần Thị Kiều Trang:** Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần NTACO.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 10/05/1982
- Nơi sinh : Mỹ Hòa, Long Xuyên, An Giang
- Số chứng minh nhân dân : 351 123 756
- Ngày cấp : 04/07/1997
- Nơi cấp : An Giang

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 09/13 Ấp Bình Hưng 2, Bình Mỹ, Châu Phú An Giang
- Điện thoại liên lạc : 0913 116653
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Anh Văn
- Quá trình công tác :
- × Từ 2005 đến 04/2009 Nhân viên kinh doanh Công ty Cổ phần NTACO
- × Từ 05/2009 đến nay Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần NTACO
- Số cổ phần nắm giữ : 660 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

d. Thành viên Ban kiểm soát

**Ông Phạm Hữu Minh:** Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần NTACO.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/10/1981
- Nơi sinh : Châu Thành, Hậu Giang
- Số chứng minh nhân dân : 361 776 644
- Ngày cấp : 21/04/1996
- Nơi cấp : Cần Thơ
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Ấp 5 – Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Hậu Giang
- Điện thoại liên lạc : 0903.787 657
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
- × Từ 2003 đến 2007: Công tác tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán (AFC).
- × Từ 2007 đến 03/2008: Chuyên viên tư vấn của Công ty Chứng khoán Bảo Việt – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- × Từ 03/2008 đến nay: Chuyên viên tư vấn của Công ty Chứng khoán Bảo Việt – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần NTACO.
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

### 2.3. Ban giám đốc

#### a. Tổng giám đốc

**Ông Nguyễn Tuấn Anh** : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần NTACO  
Lý lịch trình bày tại phần a của Hội đồng quản trị

#### b. Phó Tổng giám đốc

**Ông Phan Ngọc Phước**: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần NTACO.  
Lý lịch trình bày tại phần d của Hội đồng quản trị

#### c. Giám đốc tài chính

**Bà. Trịnh Thị Thu**: Giám đốc tài chính Công ty cổ phần NTACO

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 28/03/1972
- Nơi sinh : Nam Đàn, Nghệ An
- Số chứng minh nhân dân : 351 037 470
- Ngày cấp : 01/07/1997
- Nơi cấp : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 67B, Lê Văn Nhung, Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, An Giang
- Điện thoại liên lạc : 0938 555 559
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính- kế toán
- Quá trình công tác :
  - × Từ 1991 - 2000: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Nam Việt
  - × Từ 2000 – 04/2009 Kế toán trưởng Công ty Cổ phần NTACO
  - × Từ 05/2009 đến nay: Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần NTACO
- Số cổ phần nắm giữ :10.000 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

## 2.4. Kế toán trưởng

Bà **Lê Thị Bích Thủy**: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần NTACO.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 29/09/1978
- Nơi sinh : Châu Phú, An Giang
- Số chứng minh nhân dân : 351 275 169
- Ngày cấp : 06/08/2007
- Nơi cấp : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 99 – Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang
- Điện thoại liên lạc : 076.931 477
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
  - × Từ 2001 - 03/2008: Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần NTACO
  - × Từ 04/2008-04/2009: Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần NTACO
  - × Từ 05/2009 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần NTACO
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

## 3. Một số thông tin liên quan đến Hội đồng quản trị và ban điều hành

- Trong năm các thành viên Hội đồng quản trị không thay đổi.
- Ban giám đốc được bổ sung thành viên mới là bà Trịnh Thị Thu giữ chức vụ Giám đốc tài chính, nhằm đáp ứng tình hình thực tế tại Công ty
- Ban kiểm soát: bổ nhiệm bà Trần Thị kiều Trang giữ chức vụ thành viên ban kiểm soát thay cho bà Lê Thị Bích Thủy lên giữ chức vụ kế toán trưởng.
- Cơ cấu nhân sự đến ngày 31/12/2009 như sau:

Bộ phận	Trình độ	Số CB.CNV	Tỷ trọng
Khối văn phòng	Thạc sỹ	03	0,21%
	Đại học	40	2,73%
	Cao đẳng, trung cấp	11	0,75%
	Lao động phổ thông	10	0,68%
Khối sản xuất trực tiếp	Đại học	06	0,41%
	Cao đẳng, trung cấp	50	3,41%
	Lao động phổ thông	1.345	91,81%
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.465</b>	<b>100,00%</b>

- Thu nhập bình quân đầu người (*Lương + thưởng*) năm 2009: 3.750.000 đồng/người
- Chính sách tiền lương, thưởng: Đối với khối văn phòng thì hưởng lương theo công việc. Đối với khối sản xuất thì lương theo sản phẩm
- Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định pháp luật về các chế độ đối với người lao động.

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị và ban kiểm soát

#### 1.1. Thành viên hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên bên ngoài độc lập, 04 thành viên bên trong điều hành Công ty.
- Hội đồng quản trị đã tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.
- Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp định kỳ nhằm bám sát tình hình hoạt động thực tế của Công ty từ đó ra các quyết định phù hợp.
- Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra hoạt động của ban Kiểm soát, ban Giám đốc và các phòng ban, kịp thời phát hiện, xử lý những sai phạm.

## 1.2. Thành viên Ban kiểm soát:

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT Công ty
- Thực hiện kiểm tra việc chấp hành Nghị quyết, tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
- Kiểm tra tính trung thực, hợp lý và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, công tác tổ chức kế toán của Công ty.

## 2. Quản trị Công ty

Việc trở thành Công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng quản trị nhận thấy:

- Tăng cường sự quản lý, đưa hoạt động Công ty ngày một minh bạch và hiệu quả
- Phân công công việc, trách nhiệm rõ ràng nhằm nâng cao năng lực làm việc và khả năng sáng tạo cho người lao động.
- Ban kiểm soát cần phát huy hết vai trò, trách nhiệm giúp công tác quản lý của Hội đồng quản trị chặt chẽ hơn.

## 3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

- Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước: Không
- Cổ đông/ thành viên góp vốn Nước ngoài: Không
- Cổ đông/ thành viên góp vốn sáng lập: Trong năm chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc cũng là cổ đông sáng lập đã mua thêm 189.000 cổ phiếu ATA nâng tỷ lệ nắm giữ lên 56,89%. Các cổ đông sáng lập còn lại vẫn giữ nguyên số cổ phiếu nắm giữ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**NGUYỄN TUẤN ANH**